BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

**TỔNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM**

**THUYẾT MINH**

**DỰ THẢO QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA (QCVN) VỀ BẾN XE HÀNG**

1. **Khái niệm**

Dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe hàng là tài liệu buộc thực hiện về nội dung, mục đích, ý nghĩa thực tiễn, tính khả thi của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe hàng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng, đánh giá và công bố đưa bến xe hàng vào khai thác.

Thuyết minh dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe hàng cũng là tài liệu giúp người sử dụng, nghiên cứu hiểu rõ về các nội dung của QCVN sau khi được ban hành.

* 1. ***Mục đích của QCVN***

Xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe hàng nhằm cung cấp các yêu cầu tối thiểu đối với mỗi loại bến xe để các đơn vị kinh doanh bến xe đối chiếu thực hiện đầu tư, xây dựng và quản lý vận hành, đồng thời tăng cường năng lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý hoạt động của bến xe hàng trên toàn quốc nhằm đảm bảo trật tự vận tải và an toàn giao thông.

* 1. ***Ý nghĩa của QCVN***

Đối với lĩnh vực KH&CN có liên quan: Góp phần hoàn thiện cơ sở pháp lý nhằm hoàn thiện hóa hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong quản lý nhà nước về hoạt động của bến xe hàng trên toàn quốc.

Đối với đơn vị chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu: Quy chuẩn quy định điều kiện cơ sở vật chất; các yêu cầu phải tuân thủ trong xây dựng mới, cải tạo hoặc nâng cấp và quản lý khai thác bến xe hàng.

Đối với kinh tế - xã hội và môi trường: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe hàng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác, cung cấp các căn cứ có tính khoa học cho quy hoạch, đầu tư, xây dựng công trình, và nội dung về công tác quản lý nhà nước về bến xe hàng.

* 1. ***Tính khả thi của QCVN***

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe hàng là nhu cầu cần thiết đối với công tác quản lý nhà nước đối với bến xe hàng.

1. **Nội dung chính của Thuyết minh dự thảo QCVN**
   1. ***Tên QCVN:***

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe hàng.

* 1. ***Tình hình liên quan tới QCVN***

Trong gian qua, thực hiện Luật Giao thông đường bộ 2008, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; Bộ trưởng Bộ GTVT đã ban hành Thông tư 12/2020/TT-BGTVT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ, Quy chuẩn quốc gia về Bến xe khách. Theo quy định tại Luật Giao thông đường bộ có quy định bến xe ô tô hàng có quyền, nghĩa vụ sắp xếp xe ô tô vào bến xếp dỡ hàng hóa, dịch vụ kho bãi, ký gửi, đóng gói, bảo quản hàng hóa; phải bảo đảm trật tự, an toàn, vệ sinh môi trường, phòng, chống cháy nổ và chịu sự quản lý của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ở địa phương.

Tại Nghị định 10/2020/NĐ-CP được Chính phủ ban hành có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 trong đó khẳng định Bến xe ô tô hàng (bến xe hàng) là công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, thực hiện chức năng phục vụ xe ô tô vận tải hàng hóa xếp, dỡ hàng hóa và các dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động vận tải hàng hóa và quy định Bến xe hàng chỉ được đưa vào khai thác sau khi doanh nghiệp công bố và thông báo đến Sở Giao thông vận tải địa phương.

Hiện nay, trong lĩnh vực quản lý hoạt động của các Bến xe, Bộ GTVT đã ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách Sửa đổi QCVN 45:2012/BGTVT sửa đổi lần 01 và ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cảng cạn ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BGTVT. Tuy có nhiều điểm tương đồng nhưng bến xe hàng vẫn có các đặc điểm đặc thù riêng, nên việc hình thành Quy chuẩn quốc gia về Bến xe hàng là yêu cầu cấp thiết để nâng cao hiệu quả nhà nước đối với hoạt động của Bến xe hàng trên toàn quốc. Đồng thời đưa ra các yêu cầu tối thiểu cần đáp ứng cho các Bến xe hàng nhằm đảm bảo an toàn, an ninh, phòng chống cháy nổ,… trong quá trình hoạt động.

* 1. ***Căn cứ xây dựng QCVN***
     + Tổng hợp các văn bản pháp lý làm cơ sở cho việc xây dựng QCVN

|  |  |
| --- | --- |
| - QCVN 01-1:2018/BYT | “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt” được ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế. |
| - QCVN 07:2016/BXD | “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật” được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng |
| - QCVN 01:2020/BCT | “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu” được ban hành kèm theo Thông tư số 15/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công thương. |
| - QCVN 06:2021/BXD | “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình" được ban hành kèm theo Thông tư số 02/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. |
| - QCVN 41:2019/BGTVT | “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ được ban hành kèm theo Thông tư số 54/2019/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. |
| - TCVN 4054:2005 | Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố năm 2005. |
| - Thông tư 50/2015/TT-BGTVT | Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. |
| - Thông tư 35/2017/TT-BGTVT | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. |
| - Thông tư 13/2020/TT-BGTVT | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. |
| - Thông tư 39/2021/TT-BGTVT | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. |
| - Thông tư 02/2022/TT-BTNMT | Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. |

* 1. ***Tóm tắt nội dung của QCVN***

Dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe hàng, ngoài phần “Lời nói đầu”, dự thảo bao gồm các nội dung chính như sau:

**1. QUY ĐỊNH CHUNG**

**1.1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chuẩn quy định điều kiện cơ sở vật chất; các yêu cầu phải tuân thủ trong xây dựng mới, cải tạo hoặc nâng cấp và quản lý khai thác bến xe hàng.

**1.2. Đối tượng áp dụng**

Quy chuẩn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, quản lý, khai thác bến xe hàng; các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc sử dụng dịch vụ, kiểm tra, công bố bến xe hàng đủ điều kiện hoạt động trong phạm vi nước Việt Nam.

**1.3. Tài liệu viện dẫn**

|  |  |
| --- | --- |
| - QCVN 01-1:2018/BYT | “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt” được ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế. |
| - QCVN 07:2016/BXD | “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật” được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng |
| - QCVN 01:2020/BCT | “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu” được ban hành kèm theo Thông tư số 15/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công thương. |
| - QCVN 06:2021/BXD | “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình" được ban hành kèm theo Thông tư số 02/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. |
| - QCVN 41:2019/BGTVT | “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ được ban hành kèm theo Thông tư số 54/2019/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. |
| - TCVN 4054:2005 | Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố năm 2005. |
| - Thông tư 50/2015/TT-BGTVT | Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. |
| - Thông tư 35/2017/TT-BGTVT | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. |
| - Thông tư 13/2020/TT-BGTVT | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. |
| - Thông tư 39/2021/TT-BGTVT | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. |
| - Thông tư 02/2022/TT-BTNMT | Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. |

**1.4. Giải thích từ ngữ**

1.4.1. *Bến xe hàng (Bến xe ô tô hàng)* là công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, thực hiện chức năng phục vụ xe ô tô vận tải hàng hóa xếp, dỡ hàng hóa và các dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động vận tải hàng hóa.

1.4.2. *Đường xe ra, vào bến* là đường đấu nối từ đường giao thông chính, đường nhánh hoặc đường gom vào bến xe hàng.

1.4.3*. Hệ thống cung cấp thông tin* là hệ thống loa phát thanh, bảng thông báo và các trang thiết bị nghe, nhìn khác trong bến xe hàng.

**2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT**

**2.1. Quy định chung**

2.1.1. Bến xe hàng phải được xây dựng phù hợp với quy hoạch tỉnh, phù hợp với các quy định tương ứng với từng loại bến xe hàng được quy định tại Quy chuẩn này.

2.1.2. Bến xe hàng được xây dựng độc lập hoặc nằm trong khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cảng hoặc trong công trình hạ tầng khác.

2.1.3. Bến xe hàng chỉ được đưa vào khai thác sau khi đơn vị kinh doanh bến xe hàng đánh giá, công bố và thông báo đến Sở Giao thông vận tải địa phương.

2.1.4. Điểm đấu nối của đường ra, vào bến xe với đường quốc lộ phải được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Điểm đấu nối của đường ra, vào bến xe với các đường khác (trừ đường quốc lộ) phải được thực hiện theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2.1.5. Đường ra, vào bến xe hàng phải được thiết kế theo các quy định của TCVN 4054:2005 hoặc tương đương, bảo đảm lưu thông thuận tiện, hạn chế tối thiểu xung đột giữa dòng phương tiện ra, vào và với người đi bộ.

2.1.6. Đường lưu thông dành cho xe cơ giới trong bến xe hàng phải có các biển báo hiệu, vạch kẻ đường để đảm bảo cho các loại phương tiện lưu thông an toàn trong khu vực bến xe.

2.1.7. Bến xe hàng phải tuân thủ các quy định về phòng cháy, chữa cháy theo quy định hiện hành;

2.1.8. Bến xe hàng phải bảo đảm thực hiện được các chức năng cơ bản sau:

a) Cung cấp các dịch vụ phục vụ xe ra, vào bến xe;

b) Cung cấp các dịch vụ phục vụ lái xe, nhân viên phục vụ trên xe và phương tiện;

c) Cung cấp dịch vụ xếp, dỡ hàng hóa và các dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động vận tải hàng hóa.

2.1.9. Các công trình, các thiết bị của bến xe hàng phải được xây dựng, lắp đặt bảo đảm chất lượng và sự bền vững tương ứng với cấp công trình theo quy định; bảo đảm trật tự, an toàn cho hàng hóa và phương tiện trong khu vực bến xe hàng.

2.1.10. Hệ thống điện, nước, chiếu sáng, thông tin liên lạc, phòng cháy, chữa cháy của bến xe hàng phải bảo đảm đồng bộ, hoàn chỉnh, tuân thủ theo các quy định để có thể cung cấp an toàn, liên tục và ổn định các dịch vụ cho người và phương tiện hoạt động trong khu vực bến xe theo quy định tại QCVN 07:2016/BXD.

**2.2. Quy định về các hạng mục công trình cơ bản**

Các hạng mục công trình cơ bản của bến xe hàng được chia làm hai nhóm gồm: Các công trình bắt buộc phải có và các công trình dịch vụ thương mại.

2.2.1. Các công trình bắt buộc phải có:

a) Khu vực đỗ xe ô tô vận tải hàng hoá;

b) Khu vực đỗ xe dành cho phương tiện khác;

c) Khu vực làm việc của bộ máy quản lý;

d) Bãi hàng hóa; Kho hàng hóa đối với bến xe loại 1, loại 2 loại 3;

đ) Khu vệ sinh.

2.2.2. Công trình dịch vụ thương mại: Khuyến khích xây dựng

a) Kho hàng hóa đối với loại 4, loại 5, loại 6;

b) Khách sạn, nhà nghỉ;

c) Nhà hàng phục vụ ăn uống, giải khát; trung tâm thương mại, siêu thị;

d) Khu vực cung cấp các dịch vụ vui chơi, giải trí, thể dục thể thao, chăm sóc sức khỏe;

đ) Trạm cấp nhiên liệu, trạm sạc cho xe điện;

e) Xưởng bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện, rửa xe.

**2.3. Quy định về diện tích tối thiểu và các hạng mục công trình**

2.3.1. Phân loại bến xe hàng.

Bến xe hàng được phân thành 6 loại. Quy định về các hạng mục công trình tương ứng với từng loại bến xe hàng như trong bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí phân loại** | **Đơn vị tính** | **Loại bến xe** | | | | | |
| **Loại 1** | **Loại 2** | **Loại 3** | **Loại 4** | **Loại 5** | **Loại 6** |
| 1 | Tổng diện tích (tối thiểu) | m2 | 30.000 | 20.000 | 10.000 | 5.000 | 3.000 | 1.000 |
| 2 | Trang thiết bị bốc, xếp bằng cơ giới |  | Có | Có | Khuyến khích | Khuyến khích | Khuyến khích | Khuyến khích |
| 3 | Văn phòng làm việc và các công trình phụ trợ (tối thiểu) | Chỗ | Có, theo nhu cầu | | | | | |
| 4 | Diện tích khu vệ sinh | m2 | Có khu vệ sinh. | | | | | |
| 5 | Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ | m2 | Tỷ lệ diện tích cây xanh, thảm cỏ tối thiểu 1% tổng diện tích. | | | | | |
| 6 | Đường xe ra, vào bến | - | riêng biệt | riêng biệt | riêng biệt | Chung hoặc riêng biệt | Chung hoặc riêng biệt | Chung hoặc riêng biệt |
| 7 | Mặt sân bến | - | Nhựa hoặc bê tông xi măng | | | | | |
| 8 | Hệ thống cung cấp thông tin | Có hệ thống phát thanh, thông tin chỉ dẫn lái xe | | | | | | |
| 9 | Hệ thống thoát nước | Có hệ thống tiêu thoát nước theo quy định | | | | | | |
| 10 | Hệ thống cứu hoả | Theo quy định của cơ quan phòng cháy, chữa cháy | | | | | | |

2.3.2. Quy định cơ sở vật chất, trang thiết bị

a) Địa điểm được ngăn cách với khu vực xung quanh bằng tường rào, trừ địa điểm nằm trong khu vực cửa khẩu, cảng đã có tường rào ngăn cách biệt lập với khu vực xung quanh;

b) Có phần mềm quản lý bến xe đáp ứng yêu cầu quản lý lưu giữ, kết xuất, truyền dẫn dữ liệu liên quan đến thông tin xe ra, vào bến theo quy định;

c) Có hệ thống camera giám sát trong bến, cửa ra, vào bến, khu vực đỗ xe, các khu vực có kho hàng, khu vực xếp, dỡ hàng hoá, bảo dưỡng sửa chữa phương tiện và hình ảnh xung quanh bến. Hình ảnh quan sát vào tất cả các thời điểm trong ngày, dữ liệu về hình ảnh được lưu giữ tối thiểu trong 01 tháng.

2.3.3. Quy định về bãi đỗ xe ô tô hàng hóa và đường ra, vào bến xe

a) Thiết kế hướng đỗ xe hợp lý, phù hợp với quy mô diện tích và không gian của bến xe hàng để đáp ứng nhu cầu đỗ xe của từng loại phương tiện, bảo đảm an toàn, thuận tiện;

b) Diện tích tối thiểu cho một vị trí đỗ của xe ô tô tải là 40 m2, có vạch sơn để phân định rõ từng vị trí đỗ xe (theo QCVN 07:2016/BXD);

c) Đường lưu thông trong bến phải có các biển báo hiệu, vạch kẻ đường; có bán kính quay xe phù hợp (nhưng bán kính tối thiểu không nhỏ hơn 10m tính theo tim đường được quy định tại QCVN 07:2016/BXD để đảm bảo cho các loại phương tiện lưu thông an toàn;

d) Đường ra, vào bến xe phải được thiết kế theo các quy định và tiêu chuẩn hiện hành, đảm bảo lưu thông, hạn chế tối thiểu xung đột giữa dòng phương tiện vào và ra. Hệ thống báo hiệu, rào chắn và các công trình đảm bảo an toàn giao thông khác phải được thiết kế, lắp đặt theo quy định tại QCVN 41: 2019/BGTVT.

2.3.4. Quy định về khu vệ sinh

a) Phải có biển chỉ dẫn đến khu vệ sinh rõ ràng, dễ nhận biết bảo đảm thuận tiện cho người sử dụng. Vị trí bố trí không ảnh hưởng đến môi trường của các khu vực khác trong bến xe hàng;

b) Khu vệ sinh phải đảm bảo chống thấm, chống ẩm ướt, thoát mùi hôi thối, thông thoáng, tường, mặt sàn và thiết bị phải luôn sạch sẽ, số lượng, chất lượng các loại thiết bị vệ sinh phải theo quy định;

c) Khu vệ sinh phải được thông gió và đảm bảo vệ sinh môi trường;

d) Nền, mặt tường khu vệ sinh phải dùng loại vật liệu dễ làm vệ sinh;

đ) Tại các vị trí bố trí chậu để rửa tay nên lắp đặt bàn, gương, móc treo;

e) Hệ thống thoát nước phải bảo đảm không để nước ứ đọng trên nền trong khu vệ sinh.

2.3.5. Quy định về hệ thống cấp thoát nước

a) Hệ thống cấp nước cho bến xe hàng phải bảo đảm hoạt động ổn định, có khả năng cung cấp đủ lượng nước cho nhu cầu sử dụng của bến xe hàng;

b) Trong trường hợp bến xe hàng tự khai thác nguồn nước để sử dụng thì: chất lượng nước phục vụ cho ăn uống, sinh hoạt phải bảo đảm đáp ứng đầy đủ các chỉ tiêu chất lượng theo quy định tại QCVN 01-1:2018/BYT;

c) Hệ thống thoát nước của bến xe hàng bao gồm hệ thống thoát nước thải và hệ thống thoát nước mưa và đấu nối với hệ thống thoát nước tại địa phương;

d) Hệ thống thoát nước phải bảo đảm không để ứ đọng nước làm gián đoạn hoạt động của bến xe hàng.

2.3.6. Quy định về phòng cháy, nổ

Bến xe hàng khi đưa vào khai thác phải đảm bảo phòng cháy, nổ theo các yêu cầu tối thiểu như sau:

a) Bến xe hàng phải được xây dựng và lắp đặt các trang thiết bị phòng và chống cháy, nổ theo đúng quy định tại QCVN 06:2021/BXD. Trường hợp trong bến xe hàng có trạm cấp nhiên liệu, việc thiết kế, xây dựng và hoạt động của khu vực cấp nhiên liệu phải tuân thủ đúng theo quy định tại QCVN 01:2020/BCT;

b) Cán bộ công nhân viên của bến xe hàng phải được tập huấn nghiệp vụ về phòng và chống cháy, nổ theo quy định;

c) Niêm yết quy định về phòng và chống cháy, nổ trong khu vực bến xe hàng.

**2.4. Quy định về bảo vệ môi trường**

Bến xe hàng khi đưa vào khai thác phải đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường như sau:

2.4.1. Bến xe hàng phải có hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải tập trung theo quy định.

2.4.2. Có đủ thiết bị, phương tiện và lực lượng lao động thu gom chất thải, làm vệ sinh môi trường trong phạm vi quản lý hoặc thuê đơn vị có chức năng tiếp nhận, thu gom, xử lý chất thải theo quy định.

2.4.3. Bố trí đủ thùng rác tại tất cả các khu vực để bảo đảm vệ sinh môi trường.

2.4.4. Đối với bến xe hàng có xưởng bảo dưỡng sửa chữa xe ô tô phải bố trí khu vực riêng; đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại, có hệ thống thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại (bao gồm: ắc quy, dầu mỡ, săm lốp, linh kiện điện tử) theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2.4.5. Niêm yết quy định về giữ gìn vệ sinh trong khu vực bến xe hàng.

**2.5. Quy định về khu vực phục vụ ăn uống, giải khát**

Bến xe hàng nếu có bố trí khu vực phục vụ ăn uống, giải khát phải đảm bảo các yêu cầu tối thiểu sau:

2.5.1. Khu vực phục vụ ăn uống, giải khát cho lái xe phải được bố trí một khu vực riêng hoặc được ngăn cách bằng vách ngăn lửng với các khu vực khác.

2.5.2. Khu vực phục vụ ăn uống phải được bố trí bàn ăn, ghế ngồi và thùng rác đảm bảo vệ sinh môi trường.

2.5.3. Khu vực chế biến thức ăn và khu vực phục vụ ăn uống được ngăn cách bằng vách ngăn lửng hoặc được bố trí khu vực riêng biệt.

2.5.4. Khu vực ăn uống phải bảo đảm luôn sạch sẽ, đáp ứng đầy đủ các quy định về vệ sinh môi trường; các sản phẩm ăn uống phục vụ khách hàng phải đảm bảo các quy định về vệ sinh, an toàn thực phẩm.

**2.6. Quy định về hệ thống cung cấp thông tin**

Bến xe hàng khi đưa vào khai thác phải có hệ thống cung cấp thông tin đảm bảo theo các yêu cầu sau:

2.6.1. Phải có hệ thống phát thanh và bảng thông tin chỉ dẫn cố định (hoặc màn hình điện tử).

2.6.2. Đối với bến xe hàng hóa có xe hoạt động vận tải quốc tế phải cung cấp thông tin theo quy định tại điểm a Mục này tối thiểu bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

2.6.3. Hệ thống phát thanh phải bảo đảm cho mọi người đang ở trong khu vực bến xe hàng có thể nghe rõ thông tin phát qua hệ thống.

2.6.4. Phải có số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận thông tin phản ánh của khách hàng.

**2.7. Quy định về trạm cấp nhiên liệu, trạm sạc cho xe điện, xưởng bảo dưỡng sửa chữa và nơi rửa xe**

Bến xe hàng có xây dựng và khai thác trạm cấp nhiên liệu, trạm sạc cho xe điện xưởng bảo dưỡng sửa chữa, nơi rửa xe phải đảm bảo yêu cầu tối thiểu sau.

2.7.1. Việc thiết kế, xây dựng, hoạt động của khu vực cấp nhiên liệu phải hực hiện theo các quy định hiện hành có liên quan; Khoảng cách từ cột bơm và cụm bể chứa nhiên liệu của khu vực cấp nhiên liệu đến các công trình khác phải tuân thủ đúng theo quy định của Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4530:2011.

2.7.2. Việc thiết kế, xây dựng, hoạt động trạm sạc cho xe điện phải thực hiện theo các quy định hiện hành có liên quan.

2.7.3. Khu vực cấp nhiên liệu, bảo dưỡng sửa chữa và nơi rửa xe phải được bố trí riêng biệt, có đường ra, vào thuận tiện không ảnh hưởng đến giao thông chung trong khu vực bến xe.

**3. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ**

3.1. Quy chuẩn này bắt buộc áp dụng khi đầu tư, xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, quản lý, khai thác bến xe hàng quy định của Quy chuẩn này.

3.2. Các vị trí, địa điểm có chức năng tương tự bến xe hàng đang hoạt động trước ngày Quy chuẩn này có hiệu lực phải thực hiện hoàn thiện các hạng mục công trình đảm bảo đáp ứng Quy chuẩn này và công bố xong trước ngày 01 tháng 7 năm 2025.

3.3. Trường hợp các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn và quy định pháp luật được viện dẫn trong Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo văn bản mới tương ứng.

**4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

4.1.  Mọi tổ chức, cá nhân khi tham gia các hoạt động liên quan đến xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp bến xe hàng phải tuân thủ các quy định của Quy chuẩn này.

4.2. Bến xe hàng chỉ được công bố đưa vào khai thác sau khi đơn vị kinh doanh bến xe hàng tự thực hiện đánh giá và công bố theo mẫu tại Phụ lục 1; văn bản công bố gửi Sở Giao thông vận tải địa phương.

4.3. Đơn vị kinh doanh bến xe hàng

4.3.1. Quản lý, khai thác bến xe hàng theo quy định của Quy chuẩn này và các quy định pháp luật hiện hành.

4.3.2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin công bố; thực hiện, duy trì các hạng mục công trình, quy định theo đúng Quy chuẩn này và các quy định pháp luật có liên quan trong suốt quá trình khai thác, sử dụng bến xe hàng.

4.3.3. Thực hiện các quy định tại Điều 6 và Điều 57 của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

4.4. Sở Giao thông vận tải

4.4.1. Tiếp nhận văn bản công bố của đơn vị kinh doanh bến xe hàng trên địa bàn, thực hiện đánh mã số bến xe hàng và công bố thông tin về bến xe hàng trên trang thông tin của Sở Giao thông vận tải. Sở Giao thông vận tải không thực hiện công bố hoặc huỷ nội dung đã công bố đối với bến xe hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định tại Quy chuẩn này. Văn bản không thực hiện công bố hoặc huỷ nội dung đã công bố gửi đến đơn vị kinh doanh bến xe hàng, trong đó nêu rõ lý do.

4.4.2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan theo dõi, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy chuẩn này đối với các đơn vị kinh doanh bến xe hàng trên địa bàn địa phương.

4.5. Tổng cục Đường bộ Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chuẩn này.

4.6. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chuẩn này, nếu có khó khăn, vướng mắc, tổ chức, cá nhân gửi ý kiến gửi về Tổng cục Đường bộ Việt Nam để tổng hợp và báo cáo Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung./.

* 1. ***Đối chiếu nội dung QCVN với các tài liệu tham khảo***

| **Mục trong dự thảo Quy chuẩn** | **Nội dung trong tài liệu tham khảo** | **Nội dung trong dự thảo Quy chuẩn** |
| --- | --- | --- |
| **1. QUY ĐỊNH CHUNG** | | |
| 1.1. Phạm vi điều chỉnh | Tham khải nội dung tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ và bến xe khách. | Quy chuẩn quy định điều kiện cơ sở vật chất; các yêu cầu phải tuân thủ trong xây dựng mới, cải tạo hoặc nâng cấp và quản lý khai thác bến xe hàng. |
| 1.2. Đối tượng áp dụng | Tham khải nội dung tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ và bến xe khách. | Quy chuẩn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, quản lý, khai thác bến xe hàng; các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc sử dụng dịch vụ, kiểm tra, công bố bến xe hàng đủ điều kiện hoạt động trong phạm vi nước Việt Nam. |
| 1.3. Tài liệu viện dẫn |  |  |
| 1.4. Giải thích từ ngữ | Tham khảo nội dung quy định tại Khoản 13, Điều 3 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP quy định Bến xe ô tô hàng (bến xe hàng) là công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, thực hiện chức năng phục vụ xe ô tô vận tải hàng hóa xếp, dỡ hàng hóa và các dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động vận tải hàng hóa. | 1.4.1. Bến xe hàng (Bến xe ô tô hàng) là công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, thực hiện chức năng phục vụ xe ô tô vận tải hàng hóa xếp, dỡ hàng hóa và các dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động vận tải hàng hóa. |
| Tham khảo nội dung tại mục 1.4.2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách Sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT | 1.4.2. Đường xe ra, vào bến là đường đấu nối từ đường giao thông chính, đường nhánh hoặc đường gom vào bến xe hàng. |
| Tham khảo nội dung tại mục 1.4.7 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách Sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT | 1.4.3*. Hệ thống cung cấp thông tin* là hệ thống loa phát thanh, bảng thông báo và các trang thiết bị nghe, nhìn khác trong bến xe hàng |
| **2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT** | | |
| **2.1. Quy định chung** |  |  |
| 2.2. Quy định về các hạng mục công trình cơ bản | Tham khảo nội dung tại mục 2.2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách Sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT. |  |
|  | Tham khảo thêm nội dung tại mục 3.2 Chương II Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cảng cạn ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BGTVT: Các hạng mục công trình tối thiểu phải có tại cảng cạn 3.2. Bãi đỗ cho các phương tiện vận tải, trang thiết bị bốc xếp hàng hóa và các phương tiện khác hoạt động tại cảng cạn. | a) Khu vực đỗ xe ô tô vận tải hàng hoá; |
| Tham khảo nội dung tại mục 2.2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách Sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT | b) Khu vực đỗ xe dành cho phương tiện khác; |
| Tham khảo thêm nội dung tại mục 3.4 Chương II Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cảng cạn ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BGTVT: Các hạng mục công trình tối thiểu phải có tại cảng cạn 3.4. Khu văn phòng bao gồm: nhà điều hành, văn phòng làm việc cho các cơ quan liên quan (như hải quan, kiểm dịch, cơ quan kiểm tra chuyên ngành) và cơ sở hạ tầng khác (hệ thống cấp điện, cấp, thoát nước, thông tin liên lạc). | c) Khu vực làm việc của bộ máy quản lý; |
| Tham khảo nội dung tại mục 2.2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách Sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT | d) Khu vệ sinh. |
| 2.2.2. Công trình dịch vụ thương mại: Khuyến khích xây dựng | Tham khảo nội dung tại mục 2.2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách Sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT |  |
| Tham khảo nội dung tại mục 2.2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách Sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT | a) Kho, bãi hàng hóa; |
| Tham khảo nội dung tại mục 2.2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách Sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT | b) Khách sạn, nhà nghỉ; |
| Tham khảo nội dung tại mục 2.2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách Sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT | c) Nhà hàng phục vụ ăn uống, giải khát; trung tâm thương mại, siêu thị; |
| Tham khảo nội dung tại mục 2.2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách Sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT | d) Khu vực cung cấp các dịch vụ vui chơi, giải trí, thể dục thể thao, chăm sóc sức khỏe; |
| Tham khảo nội dung tại mục 2.2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách Sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT và bổ sung trạm sạc điện để đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển phương tiện sử dụng điện.  Tại Hội nghị COP26, Thủ tướng Chính phủ Việt nam đã cam kết đến năm 2050 VN sẽ phát thải ròng =0. CP đã YC các Bộ ngành XD kế hoạch thực hiện, trong đó có Bộ GTVT: Lộ trình thực hiện xe điện (EV) | đ) Trạm cấp nhiên liệu, trạm sạc cho xe điện; |
| Tham khảo nội dung tại mục 2.2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách Sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT | e) Xưởng bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện, rửa xe. |
| **2.3. Quy định về diện tích tối thiểu và các hạng mục công trình** | | |
| 2.3.1. Phân loại bến xe hàng. | Tham khảo nội dung tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách và  Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cảng cạn ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BGTVT tại mục *"1.4. Diện tích yêu cầu của cảng cạn phải đảm bảo: (i) đủ công suất khai thác thiết kế hiện tại; (ii) đủ diện tích để bố trí nơi làm việc cho các cơ quan, tổ chức liên quan tại cảng; (iii) có xét đến sự phát triển của cảng cạn trong tương lai; (iiii) Diện tích tối thiểu của cảng cạn không được nhỏ hơn 05 ha.".*  Bên cạnh đó, trên cơ sở kết quả khảo sát một số bến xe hàng và vị trí giao nhận hàng hoá tại một số địa phương có kết quả thông kê đối với tiêu chí về diện tích như sau:  **I. Thành phố Hồ Chí Minh**  **(1) ICD TANAMEXCO**  - Địa chỉ: 429/10 Xa lộ Trường Thọ, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.  - Tổng diện tích: 132.000m2  **(2) Công ty cổ phần Cảng Tôn Thất Thuyết**  - Địa chỉ: Số 42, đường Tôn Thất Thuyết, phường 4, quận 4, TP. Hồ Chí Minh.  - Tổng diện tích: 6.000 m2, được thành lập từ năm 1987.  **II. Tây Ninh**  **(1) Công ty Thế kỷ vàng**  - Địa chỉ: Số 75A Ấp Mộc Bài, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, Tây Ninh.  - Tổng diện tích: Hơn 3.000m2  **III. Đà Nẵng**  **(1) Bãi xe Đình Hùng**  - Địa chỉ: 555C đường Trường Chinh, phường An Khê, quận Thanh Khê, Đà Nẵng.  - Tổng diện tích: 5.000m2  **(2) Trạm trung chuyển Trường Long**  - Địa chỉ: Đường tránh TP. Đà Nẵng - Huế.  - Tổng diện tích: 2.000m2  **(3) Công ty cổ phần Đối tác Chân Thật**  - Địa chỉ: Số 98 đường Yết Kiêu, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, Đà Nẵng.  - Tổng diện tích: 12.000m2  **IV. Lạng Sơn**  **(1) Bến xe hàng Công ty cổ phần hữu nghị Xuân Cương**  - Địa chỉ: Số 175 Trần Đăng Ninh, P Tam Thanh, Tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.  - Tổng diện tích: 250.000m2 (trong đó: đã sử dụng 170.000 m2, diện tích còn trống 80.000m2) và đang có kế hoạch mở rộng thêm trong thời gian sắp tới.  **(2) Công ty cổ phần vận tải thương mại Bảo Nguyên**  - Địa chỉ: Thôn Nà Han, Xã Tân Thanh, Huyện Văn Lãng, Lạng Sơn.  - Tổng diện tích: 104.000m2  **V. Quảng Ninh**  **(1) Công ty cổ phần vận tải ô tô Quảng Ninh**  - Địa chỉ: Số 131 đường Thành Công, phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh.  - Tổng diện tích: 16.000 m2.  **VI. Hải Phòng**  **(1) Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ**  - Địa chỉ: Phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.  - Tổng diện tích: 240.000 m2  **VII. Lào Cai**  **(1) Công ty cổ phần Logistics Kim Thành**  - Địa chỉ: Lô KB13, đường T5 Khúc Thừa Dụ, Khu TMCN Kim Thành, Lào Cai.  - Tổng diện tích: 57.049 m2 | Tiêu chí phân loại |
| Tổng diện tích (tối thiểu) |
| Diện tích bãi đỗ xe ô tô (tối thiểu) |
| Diện tích kho, bãi |
| Trang thiết bị bốc, xếp bằng cơ giới |
| Văn phòng làm việc và các công trình phụ trợ (tối thiểu) |
| Diện tích khu vệ sinh |
| Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ |
| Đường xe ra, vào bến |
| Mặt sân bến |
| Hệ thống cung cấp thông tin |
| Hệ thống thoát nước |
| Hệ thống cứu hoả |
| 2.3.2. Quy định cơ sở vật chất, trang thiết bị | Điểm b, Khoản 3 Điều 57 Thông tư số 12/2020/NĐ-CP quy định: đối với đơn vị kinh doanh bến xe hàng phải Đảm bảo an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường, phòng, chống cháy, nổ tại bến xe hàng; | a) Địa điểm được ngăn cách với khu vực xung quanh bằng tường rào, trừ địa điểm nằm trong khu vực cửa khẩu, cảng đã có tường rào ngăn cách biệt lập với khu vực xung quanh; |
| Tham khảo nội dung tại mục 3.1.4, 3.1.5 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách Sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVTĐiểm b, Khoản 1, Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 12/2020/NĐ-CP | b) Có phần mềm quản lý bến xe đáp ứng yêu cầu quản lý lưu giữ, kết xuất, truyền dẫn dữ liệu liên quan đến thông tin xe ra, vào bến theo quy định; |
| Tham khảo nội dung tại Điểm b, Khoản 3 Điều 57 Thông tư số 12/2020/NĐ-CP quy định: đối với đơn vị kinh doanh bến xe hàng phải Đảm bảo an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường, phòng, chống cháy, nổ tại bến xe hàng;  + Nội dung tại mục 10.2 Chương II Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cảng cạn Số: 09/2021/TT-BGTVT: 10.2. Cổng kiểm soát, hàng rào an ninh phải được bố trí và lắp đặt các thiết bị an ninh, kiểm soát của các cơ quan kiểm tra chuyên ngành để đảm bảo an ninh, an toàn cho khu vực cảng cạn và đảm bảo cho công tác kiểm tra, giám sát các phương tiện ra, vào hoạt động trong cảng.  + Nội dung tại mục 3.1.5 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách Sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT | c) Có hệ thống camera giám sát trong bến, cửa ra, vào bến, khu vực đỗ xe, các khu vực có kho hàng, khu vực xếp, dỡ hàng hoá, bảo dưỡng sửa chữa phương tiện và hình ảnh xung quanh bến. Hình ảnh quan sát vào tất cả các thời điểm trong ngày, dữ liệu về hình ảnh được lưu giữ tối thiểu trong 01 tháng. |
| 2.3.3. Quy định về bãi đỗ xe ô tô hàng hóa và đường ra, vào bến xe | Tham khảo nội dung tại Điểm a Mục 2.3.4 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách Sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT | a) Thiết kế hướng đỗ xe hợp lý, phù hợp với quy mô diện tích và không gian của bến xe hàng để đáp ứng nhu cầu đỗ xe của từng loại phương tiện, bảo đảm an toàn, thuận tiện; |
|  | Tham khảo nội dung tại Điểm b Mục 2.3.4 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách Sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT | b) Diện tích tối thiểu cho một vị trí đỗ của xe ô tô tải là 40 m2, có vạch sơn để phân định rõ từng vị trí đỗ xe (theo QCVN 07:2016/BXD). |
|  | Tham khảo thêm nội dung tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách và Tham khảo thêm nội dung tại mục 10.3 Chương II Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cảng cạn Số: 09/2021/TT-BGTVT: 10.3. Giao thông kết nối khu vực cảng cạn với hệ thống giao thông vận tải bên ngoài (đường sắt, đường bộ, cảng biển và cảng, bến thủy nội địa) phải đảm bảo an toàn, thuận tiện và đồng bộ, phù hợp với quy hoạch và quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành, lĩnh vực liên quan theo quy định của pháp luật. Hệ thống báo hiệu, rào chắn và các công trình đảm bảo an toàn giao thông khác phải được thiết kế, lắp đặt theo quy định tại QCVN 41: 2019/BGTVT. | c) Đường lưu thông trong bến phải có các biển báo hiệu, vạch kẻ đường; có bán kính quay xe phù hợp (nhưng bán kính tối thiểu không nhỏ hơn 10m tính theo tim đường được quy định tại QCVN 07:2010/BXD để đảm bảo cho các loại phương tiện lưu thông an toàn; |
|  | Tham khảo thêm nội dung tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách và mục 10.3 Chương II Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cảng cạn Số: 09/2021/TT-BGTVT: 10.3. Giao thông kết nối khu vực cảng cạn với hệ thống giao thông vận tải bên ngoài (đường sắt, đường bộ, cảng biển và cảng, bến thủy nội địa) phải đảm bảo an toàn, thuận tiện và đồng bộ, phù hợp với quy hoạch và quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành, lĩnh vực liên quan theo quy định của pháp luật. Hệ thống báo hiệu, rào chắn và các công trình đảm bảo an toàn giao thông khác phải được thiết kế, lắp đặt theo quy định tại QCVN 41: 2019/BGTVT. | d) Đường ra, vào bến xe phải được thiết kế theo các quy định và tiêu chuẩn hiện hành, đảm bảo lưu thông, hạn chế tối thiểu xung đột giữa dòng phương tiện vào và ra. Hệ thống báo hiệu, rào chắn và các công trình đảm bảo an toàn giao thông khác phải được thiết kế, lắp đặt theo quy định tại QCVN 41: 2019/BGTVT. |
| 2.3.4. Quy định về khu vực phục vụ ăn uống, giải khát | Tham khảo nội dung tại Mục 2.3.6 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách Sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT | a) Khu vực phục vụ ăn uống, giải khát cho lái xe phải được bố trí một khu vực riêng hoặc được ngăn cách bằng vách ngăn lửng với các khu vực khác; |
|
| b) Khu vực phục vụ ăn uống phải được bố trí bàn ăn, ghế ngồi và thùng rác đảm bảo vệ sinh môi trường; |
| c) Khu vực chế biến thức ăn và khu vực phục vụ ăn uống được ngăn cách bằng vách ngăn lửng hoặc được bố trí khu vực riêng biệt; |
| d) Nền khu vực phục vụ ăn uống phải dùng loại vật liệu dễ làm vệ sinh; |
| đ) Khu vực ăn uống phải bảo đảm luôn sạch sẽ, đáp ứng đầy đủ các quy định về vệ sinh môi trường; các sản phẩm ăn uống phục vụ khách hàng phải đảm bảo các quy định về vệ sinh, an toàn thực phẩm. |
| 2.3.5. Quy định về khu vệ sinh | Tham khảo nội dung tại Mục 2.3.7 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách Sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT | a) Phải có biển chỉ dẫn đến khu vệ sinh rõ ràng, dễ nhận biết bảo đảm thuận tiện cho người sử dụng. Vị trí bố trí không ảnh hưởng đến môi trường của các khu vực khác trong bến xe hàng; |
| b) Khu vệ sinh phải đảm bảo chống thấm, chống ẩm ướt, thoát mùi hôi thối, thông thoáng, tường, mặt sàn và thiết bị phải luôn sạch sẽ, số lượng, chất lượng các loại thiết bị vệ sinh phải theo quy định; |
| c) Khu vệ sinh phải được thông gió và đảm bảo vệ sinh môi trường; |
| d) Nền, mặt tường khu vệ sinh phải dùng loại vật liệu không hút nước, không hút bẩn, chịu xâm thực, dễ làm vệ sinh; |
| đ) Tại các vị trí bố trí chậu để rửa tay nên lắp đặt bàn, gương, móc treo; |
| e) Hệ thống thoát nước phải bảo đảm không để nước ứ đọng trên nền trong khu vệ sinh. |
| 2.3.6. Quy định về hệ thống cung cấp thông tin | Tham khảo nội dung tại Mục 2.3.8 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách Sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT | a) Phải có hệ thống phát thanh và bảng thông tin chỉ dẫn cố định (hoặc màn hình điện tử); |
| b) Đối với bến xe hàng hóa có xe hoạt động vận tải quốc tế phải cung cấp thông tin theo quy định tại điểm a Mục này tối thiểu bằng tiếng Việt và tiếng Anh; |
| d) Hệ thống phát thanh phải bảo đảm cho mọi người đang ở trong khu vực bến xe hàng có thể nghe rõ mọi thông tin phát qua hệ thống; |
| đ) Phải có số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận thông tin phản ánh của khách hàng. |
| 2.3.7. Quy định về hệ thống cấp thoát nước | Tham khảo nội dung tại Mục 2.3.9 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách Sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT | a) Hệ thống cấp nước cho bến xe hàng phải bảo đảm hoạt động ổn định, có khả năng cung cấp đủ lượng nước cho nhu cầu sử dụng của bến xe hàng; |
| b) Trong trường hợp bến xe hàng tự khai thác nguồn nước để sử dụng thì: chất lượng nước phục vụ cho ăn uống, sinh hoạt phải bảo đảm đáp ứng đầy đủ các chỉ tiêu chất lượng theo quy định tại QCVN 01-1:2018/BYT; |
| c) Hệ thống thoát nước của bến xe hàng bao gồm hệ thống thoát nước thải và hệ thống thoát nước mưa và đấu nối với hệ thống thoát nước tại địa phương; |
| d) Hệ thống thoát nước phải bảo đảm không để ứ đọng nước làm gián đoạn hoạt động của bến xe hàng. |
| 2.3.8. Quy định về trạm cấp nhiên liệu, xưởng bảo dưỡng sửa chữa và nơi rửa xe | Tham khảo nội dung tại Mục 2.3.10; Mục 2.4.4; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách Sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT | a) Việc thiết kế, xây dựng, hoạt động của khu vực cấp nhiên liệu phải được thực hiện đúng theo các quy định hiện hành có liên quan; Khoảng cách từ cột bơm và cụm bể chứa nhiên liệu của khu vực cấp nhiên liệu đến các công trình khác phải tuân thủ đúng theo quy định của Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4530:2011; |
| b) Khu vực cấp nhiên liệu, bảo dưỡng sửa chữa và nơi rửa xe phải được bố trí riêng biệt, có đường ra, vào thuận tiện không ảnh hưởng đến giao thông chung trong khu vực bến xe. |
| 2.3.9. Quy định về phòng cháy, nổ | Tham khảo nội dung tại Mục 2.3.10 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách Sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT | a) Bến xe hàng phải được xây dựng và lắp đặt các trang thiết bị phòng và chống cháy, nổ theo đúng quy định tại QCVN 06:2021/BXD. Trường hợp trong bến xe hàng có trạm cấp nhiên liệu, việc thiết kế, xây dựng và hoạt động của khu vực cấp nhiên liệu phải tuân thủ đúng theo quy định tại QCVN 01:2020/BCT; |
| Tham khảo thêm nội dung tại mục 5.1 Chương II Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cảng cạn Số: 09/2021/TT-BGTVT: 5. Yêu cầu chung về phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường 5.1. Yêu cầu về phòng chống cháy nổ Quá trình lập quy hoạch, thiết kế, thi công và khai thác vận hành cảng cạn, phải tuân thủ các yêu cầu chung về an toàn cháy theo quy định tại QCVN 06:2020/BXD và các quy định khác có liên quan. | b) Cán bộ công nhân viên của bến xe hàng phải được tập huấn nghiệp vụ về phòng và chống cháy, nổ; |
| c) Niêm yết quy định về phòng và chống cháy, nổ trong khu vực bến xe hàng. |
| 2.4. Quy định về bảo vệ môi trường | Tham khảo nội dung tại Mục 2.4 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách Sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT Tham khảo nội dung tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cảng cạn ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BGTVT tại mục *"9. Cảng cạn phải được trang bị phương tiện, thiết bị để thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động hoặc thuê doanh nghiệp có chức năng tiếp nhận, thu gom, xử lý chất thải theo quy định".* | 2.4.1. Bến xe hàng phải có hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải tập trung theo quy định. |
| 2.4.2. Có đủ thiết bị, phương tiện và lực lượng lao động thu gom chất thải, làm vệ sinh môi trường trong phạm vi quản lý hoặc thuê đơn vị có chức năng tiếp nhận, thu gom, xử lý chất thải theo quy định. |
| 2.4.3. Bố trí đủ thùng rác tại tất cả các khu vực để bảo đảm vệ sinh môi trường. |
| 2.4.4. Đối với bến xe hàng có xưởng bảo dưỡng sửa chữa xe ô tô phải bố trí khu vực riêng; đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại, có hệ thống thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại (bao gồm: ắc quy, dầu mỡ, săm lốp, linh kiện điện tử) theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. |
| 2.4.5. Niêm yết quy định về giữ gìn vệ sinh trong khu vực bến xe hàng. |
| **3. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ; 4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | | |
| 3. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ | Tham khảo nội dung tại Mục 1.2; Mục 4.3; Mục 4.4 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách Sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT | 3.1. Quy chuẩn này bắt buộc áp dụng khi đầu tư, xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, quản lý, khai thác bến xe hàng quy định của Quy chuẩn này. |
| 3.2. Các vị trí, địa điểm có chức năng tương tự bến xe hàng đang hoạt động trước ngày Quy chuẩn này có hiệu lực phải thực hiện hoàn thiện các hạng mục công trình đảm bảo đáp ứng Quy chuẩn này và công bố xong trước ngày 01 tháng 7 năm 2025. |
| 3.3. Trường hợp các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn và quy định pháp luật được viện dẫn trong Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo văn bản mới tương ứng. |
| 4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN | - Căn cứ Khoản 2, Điều 21, Nghị định số 10/2020/NĐ-CP: *“2. Bến xe hàng chỉ được đưa vào khai thác sau khi doanh nghiệp công bố và thông báo đến Sở Giao thông vận tải địa phương. Khoản 3, Điều 21, Nghị định số 10/2020/NĐ-CP:*  *3. Công bố bến xe được thực hiện theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe.”*  - Quy định về công bố hợp quy tại Luật tiêu chuẩn, Quy chuẩn tại:  Điều 47. Chứng nhận hợp quy.  *“3. Bộ, cơ quan ngang bộ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 27 của Luật này chỉ định tổ chức được quyền chứng nhận sự phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật do mình ban hành trên cơ sở xem xét, lựa chọn tổ chức chứng nhận sự phù hợp quy định tại Điều 50 của Luật này.”*  Điều 48. Công bố hợp quy  *“1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng phải áp dụng quy chuẩn kỹ thuật có trách nhiệm công bố sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy do tổ chức chứng nhận sự phù hợp được chỉ định theo quy định tại khoản 3 Điều 47 của Luật này thực hiện hoặc kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân trên cơ sở kết quả thử nghiệm của phòng thử nghiệm được công nhận hoặc chỉ định.*  *2. Tổ chức, cá nhân công bố hợp quy phải đăng ký bản công bố hợp quy tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.”*  Điều 50. Các tổ chức chứng nhận sự phù hợp. *“1. Đơn vị sự nghiệp hoạt động dịch vụ kỹ thuật.*  *2. Doanh nghiệp.*  *3. Chi nhánh của tổ chức chứng nhận nước ngoài tại Việt Nam.”* | 4.1.  Mọi tổ chức, cá nhân khi tham gia các hoạt động liên quan đến xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp bến xe hàng phải tuân thủ các quy định của Quy chuẩn này. |
| 4.2. Bến xe hàng chỉ được công bố đưa vào khai thác sau khi đơn vị kinh doanh bến xe hàng tự thực hiện đánh giá và công bố theo mẫu tại Phụ lục 1; văn bản công bố gửi Sở Giao thông vận tải địa phương. |
| 4.3. Sở Giao thông vận tải tiếp nhận văn bản công bố của đơn vị bến xe, đánh mã số bến xe và thực hiện công bố thông tin về bến xe hàng trên trang thông tin của Sở Giao thông vận tải. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra việc thực hiện Quy chuẩn này. |
| 4.4. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chuẩn này, nếu có vướng mắc, mọi ý kiến gửi về Tổng cục Đường bộ Việt Nam để được hướng dẫn và xử lý./. |

* 1. ***Hiệu quả dự kiến của việc áp dụng QCVN***

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe hàng sau khi hoàn chỉnh và được ban hành sẽ góp phần tăng cường năng lực quản lý nhà nước trong công tác quản lý hoạt động vận tải hàng hoá. Tuy nhiên, sau khi ban hành quy chuẩn, cơ quan quản lý sẽ tiếp tục nghiên cứu, tổng hợp các vấn đề phát sinh, bất cập trong thực tế để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, xây dựng bến xe hàng./.